

Nam, tập 1, Dự án đào tạo giáo viên THCS, NXB ĐHSP, 2007.

8. *Ngữ văn 10* (nâng cao), tập 1, NXB Giáo dục, 2007.

9. Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược*, quyển 1, Trung tâm học liệu xuất bản, 1971.10. *Thơ văn*

Lý Trần, tập 1, UBKHXH và NV - Viện Văn học, NXB KHXH, Hà Nội, 1977.

11. *Thơ văn Lý Trần*, tập 2, UBKHXH và NV - Viện Văn học, NXB KHXH, Hà Nội, 1989.

13. *Thơ văn Lý Trần*, tập 3, UBKHXH và NV - Viện Văn học, NXB KHXH, Hà Nội, 1978.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 14-09-2009)

DIỄN ĐÀN VÀ KHUYẾN NGHỊ

KHAI THÁC PHẦN MỞ VÀ KẾT VĂN BẢN TRONG DẠY ĐỌC HIỂU TRUYỆN KỂ DÂN GIAN Ở BẬC TRUNG HỌC CƠ SỞ

TRỊNH THỊ LAN

(ThS, Đại học Sư phạm Hà Nội)

1. Trong văn bản có một số yếu tố hình thức có khả năng biểu thị nội dung của văn bản như: tên văn bản, phần mở, phần kết của văn bản, hệ thống từ ngữ chủ đề (từ khóa), kiểu cấu trúc lặp lại, các câu chủ đề của đoạn, các tiêu mục, mục lục... Chúng được gọi là các vị trí mạnh của văn bản. Với mỗi thể loại văn bản, từng vị trí mạnh có vai trò và ý nghĩa khác nhau trong việc biểu đạt những khía cạnh nội dung của văn bản. Bài viết này xin tập trung bàn về hai “vị trí mạnh” của văn bản là phần mở, phần kết của văn bản và cách thức khai thác chúng trong quá trình dạy đọc hiểu một loại văn bản cụ thể: truyện kể dân gian.

2. Phần mở của văn bản và cách thức khai thác phần mở trong dạy đọc hiểu truyện kể dân gian

Yêu cầu đối với phần mở của văn bản tùy thuộc vào kiểu loại văn bản và đặc điểm khuôn hình của nó. Đối với những văn bản có khuôn hình thông dụng, nhìn chung, phần mở có thể có các yếu tố nội dung: nêu đề tài - chủ đề; nêu khung cảnh chung của đề tài - chủ đề; giới hạn nội dung được đề cập đối với đề tài - chủ đề như: phương

diện xem xét, cách tiếp cận, mục đích của văn bản... Đối với loại văn bản có khuôn hình tự do, phần mở được xác lập tùy thuộc vào thói quen hoặc ý đồ viết văn bản của người viết. Trong văn bản tự sự, người viết trình bày một chuỗi các sự việc về một nhân vật nào đó. Cho nên, ở phần mở, người viết có thể dành để giới thiệu về lai lịch, nguồn gốc nhân vật đó, cũng có thể trình bày luôn vào sự việc thứ nhất mang tính chất mở đầu trong chuỗi sự việc. Phần mở trong văn bản có khuôn hình tùy chọn có thể được mở rộng, cũng có thể được rút gọn nhằm tạo ra giá trị tu từ cho văn bản. Đôi khi trong phần mở của văn bản có khuôn hình tùy chọn, người viết phát biểu thẳng chủ đề của văn bản, phần văn bản còn lại mang tính chất minh họa cho chủ đề đã nêu mà thôi [1].

Việc nhận diện được chủ đề trong văn bản được coi rất quan trọng, có ý nghĩa quyết định đối với cả quá trình đọc hiểu văn bản bởi việc hiểu chỉ có thể được coi là đúng hướng khi người đọc đã nhận diện và nắm bắt được chủ đề. Hơn nữa, việc nhận diện chủ đề sẽ là tiền đề quan trọng để xác

định liên kết chủ đề, yếu tố cơ bản để xác định mạch lạc văn bản ở những phần sau. Phần mở của các truyện kể dân gian cũng có thể hé lộ cho người đọc các thông tin quan trọng để người đọc đạt được các mục đích này.

Trước hết, phần mở của các truyện kể dân gian thường đưa ra một số thông tin nhằm tạo sự tin cậy cho người nghe chuyện. Đó là những thông tin về thời gian, nơi chốn. Tuy vậy, hầu hết các thông tin thời gian, nơi chốn đều mang tính phiếm chỉ: *ngày xưa, thuở ấy, vùng nọ, làng kia...* Ngay cả ở những trường hợp thông tin thời gian, không gian được nêu ra đích danh như: *“ở miền đất Lạc Việt có...”*, *“ở quận Cao Bình có...”*, *“vào thời Hùng Vương thứ sáu có...”*, *“Hùng Vương thứ mười tám có...”* thì tính cụ thể, chi tiết và chính xác của những thông tin này cũng không có nhiều ý nghĩa đối với người đọc, mặc dù như đã nói, mục đích của việc đưa thông tin ấy ra là để tạo sự tin cậy ở người nghe vào nội dung truyện kể. Tuy vậy, khi được cố định trong một bản kể cụ thể, trong hình thức kể truyện dân gian, những thông tin này trở nên có chỗ đứng bởi nó giới thiệu nhân vật của truyện theo cách đặc trưng của thể loại, nó có tác dụng quan trọng trong việc gợi ra không khí “kể chuyện dân gian” của các truyện kể.

Ở góc độ ngữ pháp, nhiều phần mở trong truyện kể dân gian bắt đầu bằng một kiểu câu tồn tại. Động từ “có” trong kiểu câu này biểu thị trạng thái tồn tại, mang ý nghĩa “hiện ở chỗ nào” nên thông thường, tham biến “thời gian”, “không gian” trong cấu trúc ngữ nghĩa của câu tồn tại có ý nghĩa rất quan trọng về mặt biểu thị nội dung. Song, trong các truyện kể dân gian, với các kiểu mở đầu: *“Ngày xưa, có một lão nhà giàu...”*, *“Ở một làng nọ có một chàng trai...”*, *“Huyện nọ có một tên quan...”* hay *“Có hai anh em nhà kia...”*, *“Có một anh*

học trò...”, ý nghĩa thông báo về thời gian, không gian là rất mờ nhạt, bởi chúng có cùng một “mẫu số chung”: ngày xưa ngày xưa, không rõ ở đâu; người kể và người nghe lúc này chỉ quan tâm đến một điều duy nhất: đối tượng tồn tại - nhân vật của truyện. Cũng vì lí do này mà phần mở của các truyện kể dân gian ngoài việc giới thiệu nhân vật thì hầu hết đều tương ứng với sự việc đầu tiên và tiêu biểu trong cốt truyện. Nó thuộc về mô típ kể chuyện chung của truyện kể dân gian. Truyền thuyết *Thánh Gióng* hay truyện cổ tích *Thạch Sanh* đều thể hiện mô típ kể chuyện như vậy.

“Mở đầu bằng thời gian quá khứ mang tính phiếm chỉ (chỉ chung không xác định cụ thể) như vậy rất phù hợp và có lợi cho việc đặt truyện và kể chuyện tự do của tác giả dân gian. Đồng thời cũng dễ nhớ và dễ hiểu, dễ cảm nhận đối với người nghe truyện” [3, 27]. Nhờ cách giới thiệu này, người nghe, người đọc không cần phải suy nghĩ nhiều để thẩm định về sự xác thực của câu chuyện mà sẽ bị cuốn ngay vào nội dung truyện kể. Khi ấy, “cái duyên” của người kể chuyện sẽ quyết định phần lớn hiệu quả của truyện kể.

Ở phần mở của mỗi truyện, do đặc thù của từng thể loại truyện kể, cách thức đưa thông tin nội dung của mỗi truyện kể cũng không hoàn toàn giống nhau. Tuy vậy, nhìn tổng thể có thể thấy rằng: Các bản kể truyện dân gian trong chương trình dạy đọc hiểu văn bản ở trường phổ thông hiện nay khá rõ ràng và phần mở thể hiện được đầy đủ chức năng của mình trong mỗi bản kể. Do đó, khi dạy đọc hiểu các văn bản này, trước hết, giáo viên (GV) cần hướng dẫn cho học sinh (HS) đánh dấu (hoặc ghi lại) những thông tin cần thiết trong phần mở truyện bằng hệ thống câu hỏi định hướng như:

- Truyện này kể về những nhân vật nào? Nhân vật ấy có đặc điểm gì?

- Câu chuyện bắt đầu từ đâu? Không gian của truyện kể là gì?

- Ai là người kể chuyện? Người kể chuyện đứng ở ngôi kể nào? Ngôi kể ấy có tác dụng như thế nào đối với câu chuyện được kể và đối với người nghe?

Nếu phần mở truyện tương ứng với một sự việc tiêu biểu trong cốt truyện thì việc tìm hiểu chi tiết về sự việc mở đầu này sẽ có ý nghĩa quan trọng đối với việc tìm hiểu nội dung cũng như liên kết của truyện. Ví dụ, với truyền thuyết *Thánh Gióng*, nếu GV hướng dẫn cho HS tiếp cận tốt phần mở đầu của truyện thì sẽ giải quyết được khá nhiều vấn đề thuộc về nội dung văn bản. Sau khi định hướng cho HS nhận diện được sự việc tiêu biểu (*Gióng ra đời*) trong phần mở của truyện, GV gợi ý để HS xác định được những chi tiết cụ thể của sự việc là:

+ Thời Hùng Vương thứ sáu, ở làng Gióng có hai vợ chồng ông lão chăm chỉ làm ăn, có tiếng phúc đức, ao ước có một đứa con.

+ Bà lão ra đồng thấy vết chân to, ướm thử, về nhà có thai, 12 tháng sinh ra cậu bé khôi ngô.

+ Đứa trẻ lên 3 vẫn không biết nói biết cười, chẳng biết đi, đặt đâu nằm đấy.

Tiếp đó, GV có thể nêu tình huống dạng phản đề: Sự việc Gióng ra đời có thể kể gọn lại như sau được không: “Ở một làng nọ, có hai vợ chồng nhà kia sinh hạ được một đứa con trai đặt tên là Gióng”? Tại sao được, tại sao không? Trên cơ sở thảo luận, trao đổi, GV gợi ý để HS khẳng định được rằng: Đây là truyền thuyết, cốt truyện truyền thuyết có lõi là sự thật lịch sử, các thông tin cụ thể (về thời gian (thời đại vua Hùng), không gian (vùng đất Việt), nhân vật (người dân ở một làng Gióng xác định) sẽ đem lại sự tin cậy cho người nghe truyện. Mặt khác, truyện lại kể về một nhân vật được nhân dân tôn xưng là thánh, người kể cần tạo ấn tượng ngay từ đầu về một điều phi thường,

phi phàm của thánh. Nói về sự ra đời của Gióng phải làm nổi bật được sự phi thường vì điều này nằm trong mối liên kết xuyên suốt văn bản: Gióng đến với cuộc đời một cách phi thường và từ giả cuộc đời cũng theo một cách phi thường. Các chi tiết đã kể ở trên vì thế có vai trò quan trọng đối với chủ đề, cũng như mạch lạc của truyện kể, không thể lược bỏ đi khi kể chuyện. Trong các chi tiết của sự việc mở đầu, chi tiết “đứa trẻ lên ba mà vẫn không biết nói biết cười” là chi tiết tiêu biểu nhất vì ngoài việc tập trung làm rõ sự việc “sự ra đời kì lạ của Gióng”, chi tiết này còn có tác dụng liên kết với đoạn tiếp sau theo lôgic: “Vay bao giờ thì Gióng mới nói được?”. Đây là cái có quan trọng để giờ học được tiếp tục được triển khai một cách lôgic, mạch lạc: tìm hiểu các sự việc tiếp theo của truyện.

Truyện kể dân gian thể hiện sự đa dạng ngay từ các phần mở truyện. Tiếp cận phần mở của truyện để làm sáng rõ đề tài - chủ đề, làm sáng tỏ mạch lạc của cốt truyện không những làm cho giờ học về truyện kể dân gian hấp dẫn hơn mà chắc chắn hiệu quả của giờ học ấy cũng sẽ cao hơn.

3. Phần kết của văn bản và cách thức khai thác phần kết trong dạy đọc hiểu truyện kể dân gian

Nếu phần mở quan trọng bởi ý nghĩa “vạn sự khởi đầu nan” trong việc đưa văn bản đến với người đọc thì phần kết lại có ý nghĩa quyết định dấu ấn sau cùng của văn bản trong lòng người đọc. Phần kết có tác dụng tạo cho văn bản tính chất kết thúc, tính chất “đóng” về cả phương diện nội dung lẫn phương diện hình thức. Trong những văn bản truyện kể, “đó là tình tiết kết thúc hoặc lời miêu tả pha cuối trong triển khai cốt truyện (chủ đề) của tác phẩm. Nói cách khác, lời kết - đó là một “đấu chấm” đặc biệt của văn bản” [2, 270]. Cũng giống như phần mở, phần kết của văn bản có khuôn hình tự do tùy thuộc vào

người sáng tạo văn bản, có thể được mở rộng hoặc rút gọn nhằm mục đích tu từ. Ở một số kiểu loại, thể loại văn bản cũng xuất hiện những kiểu cấu trúc cú pháp quen thuộc trong phần kết của văn bản. Những kiểu cấu trúc này đều mang ý nghĩa nội dung. Nhận diện và hiểu được ý nghĩa của các kiểu cấu trúc thường dùng của văn bản cũng là một cách tiếp cận văn bản nhanh và hiệu quả.

Phần kết trong các văn bản truyện kể dân gian thường tương ứng với sự việc kết thúc trong cốt truyện. Trong các truyện cổ tích thần kì, nhân vật là những con người bất hạnh, sau chuỗi thử thách, họ tìm được hạnh phúc cho mình: chàng trai mồ côi lấy được công chúa hoặc lên làm vua, cô gái nghèo lấy được hoàng tử hoặc vua... hoặc các nhân vật tìm được cho mình một người vợ, người chồng như ý... Vì vậy, câu cuối cùng của phần kết thường là *"Từ đó, họ sống bên nhau hạnh phúc"*. Lại có những phần kết tương ứng với sự việc tiếp diễn trong chuỗi sự việc của truyện. Ở các câu chuyện về sự tích, câu kết thường là *"từ đó người ta gọi nó là ..."* hoặc gắn câu chuyện với một dấu vết thực tiễn: *"Ngày nay trên lưng cò vẫn còn...; hàm trên của trâu chỉ còn..."*, *"do loài hoa ấy chỉ tỏa hương vào ban đêm nên người ta còn gọi nó là..."*. Văn bản truyện truyền thuyết thì thường khẳng định dấu vết lịch sử bằng phần kết: *"Từ đó, hàng năm/ người ta thường..."*, *"Từ đó có tục lệ..."*, *"Ngày nay, ở ... vẫn còn..."*. Ngoài ra, trong tất cả các loại truyện kể dân gian, phần kết cũng có thể được dành để nêu lên một bài học nhân sinh, đưa ra một lời khuyên hoặc một lời bình luận thể hiện rõ tính tình thái: *"Đáng đời mụ phù thủy độc ác."*, *"Rõ đúng là tham thì thâm..."*. Đó là chủ đề, đồng thời cũng là đích của văn bản.

Trong văn bản truyện kể dân gian thường không có câu nêu chủ đề. Nếu có,

thường là lời của người kể thêm vào phần vĩ thanh nhằm mục đích nhắc nhở, giáo dục. Khi gặp những bản kể có phần vĩ thanh này, HS có thể xem xét và tìm kiếm chủ đề của truyện ở trong đó. GV có thể định hướng việc khai thác chủ đề và đích của truyện kể bằng một số yêu cầu, câu hỏi có dạng như:

- Kết thúc truyện ở sự việc (...) có được không? Vì sao?

- Kết truyện ở chi tiết (...) đã làm em thấy thỏa mãn chưa? Vì sao?

- Hãy đề xuất một kết truyện theo em hợp lí hơn hoặc lí thú hơn. Nói với các bạn cùng nhóm về ý tưởng ấy để tìm sự đồng tình.

- Chủ đề của truyện được thể hiện ở phần kết của truyện như thế nào?

- Qua phần kết của truyện, em nhận được bài học nhận thức gì?

Do phần kết của văn bản thường được khai thác ở phần cuối của giờ học nên tùy thuộc vào quỹ thời gian còn lại của giờ học, GV có thể phát huy trí tưởng tượng và sáng tạo của HS bằng những yêu cầu như: viết tiếp truyện, thay sự việc ở phần kết bằng một sự việc do HS đề xuất. Dư vị của giờ học đọc hiểu truyện kể dân gian trong HS nhiều khi được quyết định bởi chính cách thức khai thác phần kết của truyện mà GV và HS thực hiện.

4. Tóm lại, dù văn bản thuộc thể loại nào thì phần mở và phần kết của văn bản vẫn là những vị trí tỏ ra có ưu thế trong việc bộc lộ đề tài, chủ đề của văn bản. Trong dạy học đọc hiểu truyện kể dân gian, việc khai thác hợp lí phần mở, phần kết của văn bản có ý nghĩa quan trọng đối với việc tìm hiểu nội dung và nghệ thuật kể chuyện của người xưa. Khai thác phần mở và phần kết của văn bản trong dạy học đọc hiểu văn bản cũng là một cách ý thức cho HS thói quen quan tâm đến các yếu tố ngôn từ của văn

bản khi tiếp cận và tiếp nhận văn học trong và ngoài nhà trường.

Tài liệu tham khảo

[1] Diệp Quang Ban, *Giao tiếp - văn bản - mạch lạc - liên kết - đoạn văn*, Nxb Khoa học Xã hội, 2003.

[2] Galperin I.R., *Văn bản với tư cách đối tượng nghiên cứu ngôn ngữ học (1981)*

(Hoàng Lộc dịch), Nxb Khoa học Xã hội, 1987.

[3] Hoàng Tiên Tựu, *Bình giảng truyện dân gian*, Nxb Giáo dục, 1994.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 05-08-2009)

TỔNG MỤC LỤC TẠP CHÍ NGÔN NGỮ & ĐỜI SỐNG NĂM 2009

Nº	TÁC GIẢ	CHUYÊN MỤC VÀ TÊN BÀI	SỐ	TRANG
		MƯỜI LĂM NĂM, MỘT CHẶNG ĐƯỜNG		
1	NGUYỄN QUANG HỒNG	Mười lăm năm <i>Ngôn ngữ & Đời sống</i> (đôi điều cảm nghĩ)	12 (170)	1
2	PHẠM VĂN HẢO	Hơn một thập kỉ gắn bó với <i>Ngôn ngữ & Đời sống</i>	12 (170)	3
3	TẠ VĂN THÔNG	Tạp chí <i>Ngôn ngữ & Đời sống</i> với bài viết của các nhà nghiên cứu trẻ	12 (170)	5
4	PHẠM VĂN TÌNH	Mười lăm năm: trở lại mái nhà xưa	12 (170)	7
5	DƯƠNG XUÂN ĐỒNG	Mười lăm năm và năm mươi bài viết	12 (170)	9
6	THẾ ANH	Mười lăm năm - một chặng đường	12 (170)	11
		NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC		
7	LÊ QUANG THIÊM	Tính tổng hợp và tính mở của ngôn ngữ học đối chiếu	1+2 (159+160)	2
8	LÊ QUANG THIÊM	Về hai cặp chiều hướng phát triển nghĩa từ vựng tiếng Việt từ sau 1945	3 (161)	5
9	HOÀNG THỊ HOÀ	Hiện tượng chuyển nghĩa bằng con đường ngữ pháp hoá của một số động từ chỉ hoạt động của các giác quan trong tiếng Việt và tiếng Anh	1+2 (159+160)	6
10	BÙI THUYẾT LINH	Sự chi phối của các tham số chỉ xuất không gian đối với cách dùng các chỉ định từ tiếng Việt	1+2 (159+160)	12
11	LƯU TRỌNG TUẤN	Các cấp độ tương đương trong dịch thuật	1+2 (159+160)	19
12	TRẦN ĐẠI NGHĨA	Từ □ <i>chiếc hổ</i> □ đến □ <i>chiếc hôn</i> □ (cơ sở tri nhận trong ngữ pháp)	1+2 (159+160)	27
13	HỒNG DÂN	Trở lại vấn đề giáo dục tiếng Việt trong trường phổ thông	3 (161)	1
14	NGUYỄN THỊ NHUNG	Tìm hiểu cách giải thích thành ngữ tiếng Việt của sách giáo khoa tiếng Việt tiểu học	3 (161)	10
15	TRẦN VĂN TIẾNG	Về những cụm từ cố định mới hình thành trong giao tiếp của người Việt	4 (162)	1
16	TỬ THU MẠI	Hiện tượng lướt âm tiết □ <i>một</i> □ khi phát âm cấu trúc “ <i>động từ+một+x</i> □ trong phương ngữ	4 (162)	7